Nội dung được ký số bởi:
Tên đơn vị: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC THỦ DẦU MỘT
Mã số thuế: 3701419595
Thời gian ký: 21-11-2025 18:06:40

BAN QLDA ĐTXD TỈNH BÌNH DƯƠNG
BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KHU VỰC THỦ DẦU MỘT

Số: 95 /QĐ-QLDAKVTDM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt sửa đổi E – HSMT

Gói thầu: Xây lắp và thiết bị kèm theo xây lắp thuộc dự án: Nâng cấp, mở rộng đường phân khu ĐX144, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một.

GIÁM ĐỐC BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2024/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 80/2025/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc Quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Công văn số 5079/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng đường phân khu ĐX144;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Nâng cấp, mở rộng đường phân khu ĐX 144, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Công trình: Nâng cấp, mở rộng đường phân khu ĐX 144, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 09 tháng 03 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Nâng cấp, mở rộng đường phân khu ĐX 144, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp, mở rộng đường phân khu ĐX 144, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 5558/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Nâng cấp, mở rộng đường phân khu ĐX 144, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một. Hạng mục : Đầu tư cơ sở hạ tầng thu hồi biên tạo quỹ đất sạch;

Căn cứ Quyết định số 3942/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu bổ sung dự án: Nâng cấp, mở rộng đường phân khu ĐX 144, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một. Hạng mục : Đầu tư cơ sở hạ tầng thu hồi biên tạo quỹ đất sạch;

Căn cứ Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Công trình: Nâng cấp, mở rộng đường phân khu ĐX 144, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc Dự án: Nâng cấp, mở rộng đường phân khu ĐX144, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tiếp nhận kế hoạch đầu tư công 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang kế hoạch năm 2025 của 03 tỉnh thành (Gồm Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Tỉnh Bình Dương trước khi sắp xếp);

Căn cứ Công văn số 5408/SXD-XDCTĐB ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh về việc gia hạn thời gian thực hiện các hợp đồng và phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án;

Căn cứ Quyết định số 73/QĐ-QLDAKVTDM ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực Thủ Dầu Một về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình:Nâng cấp, mở rộng đường phân khu ĐX144, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Chánh Hiệp, thành phố Hồ Chí Minh);

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-QLDAKVTDM ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực Thủ Dầu Một về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh thuộc dự án: Nâng cấp, mở rộng đường phân khu ĐX144, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 77/QĐ-QLDAKVTDM ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực Thủ Dầu Một về việc phê duyệt phê duyệt hồ sơ dự toán xây dựng điều chỉnh công trình: Nâng cấp, mở rộng đường phân khu ĐX144, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một;

Quyết định số 79/QĐ-QLDAKVTDM ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực Thủ Dầu Một về việc phê duyệt dự toán các gói thầu công trình: Nâng cấp, mở rộng đường phân khu ĐX144, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 92/QĐ-QLDAKVTDM ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực Thủ Dầu Một về việc phê duyệt phê duyệt hồ sơ dự toán xây dựng điều chỉnh công trình: Nâng cấp, mở rộng đường phân khu ĐX144, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một;

Quyết định số 93/QĐ-QLDAKVTDM ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực Thủ Dầu Một về việc phê duyệt dự toán điều chỉnh các gói thầu công trình: Nâng cấp, mở rộng đường phân khu ĐX144, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một;

Theo đề nghị tại tờ trình số 07/TTr-HT-140 ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Hưng Thịnh;

Căn cứ Báo cáo thẩm định E-HSMT số 06/BC-KTTĐ ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Phòng Kỹ thuật Thẩm định;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt sửa đổi E-HSMT gói thầu Xây lắp và thiết bị kèm theo xây lắp với nội dung theo phụ lục 01 đính kèm.

Điều 2: Giao Phòng Kỹ thuật Thẩm định chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trưởng các phòng: Điều hành Dự án Giao thông; Kỹ thuật Thẩm định và Tài chính - Kế toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Ban QLDA ĐTXD tỉnh BD (báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu.

GIÁM ĐỐC

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC THỦ DẦU MỘT

Nguyễn Điền Trung

PHỤ LỤC 01

Stt	Nội dung theo E-HSMT được phê duyệt tại Quyết định số 81/QĐ-QLDAKVTDM ngày 13/11/2025 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực Thủ Dầu Một	Nội dung sửa đổi
I	**Mục 2.1 Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**	
1	**Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)**	
	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 [(5)]năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 227.685.206.369 [(6)]VND.	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 [(5)]năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 225.613.759.668 [(6)]VND.
2	**Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu**	
	Chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng hoặc không yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng: Có yêu cầu. Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao[(7)], hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu về cầu nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 40.983.337.147 [(8)]VND. Đối với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì cam kết cung cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện:	*Chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng hoặc không yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng:* Có yêu cầu. Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao[(7)], hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu về cầu nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 40.610.476.740 [(8)]VND. Đối với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì cam kết cung cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện:

Stt	Nội dung theo E-HSMT được phê duyệt tại Quyết định số 81/QĐ-QLDAKVTDM ngày 13/11/2025 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực Thủ Dầu Một	Nội dung sửa đổi
	- Giá trị tối thiểu: 40.983.337.147 [(8)]VND; - Thời gian có hiệu lực của cam kết cung cấp tín dụng: có hiệu lực trong 360 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc có hiệu lực đến ngày 08 tháng 02 năm 2027; - Được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu."	- Giá trị tối thiểu: 40.610.476.740 [(8)]VND; - Thời gian có hiệu lực của cam kết cung cấp tín dụng: có hiệu lực trong 360 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc có hiệu lực đến ngày 08 tháng 02 năm 2027; - Được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu."
3	**Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự[(9)]**	
	Áp dụng **2. Trường hợp gói thầu gồm tổ hợp nhiều công trình (ví dụ gồm tổ hợp 3 công trình: A1, A2, A3)** Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 [(10)] đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn [(11)] tối thiểu: - 01 công trình có: loại kết cấu: Công trình đường bộ có đường giao thông (phải thi công hoàn thiện từ nền đường đến áo đường) và hệ thống thoát nước BTCT, cấp: III trở lên [(12)], có giá trị là V1 53.087.824.000 VND[(13)] với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý[(14)] hoặc nhà thầu phụ. - 01 công trình có: loại kết cấu: Tường kè, cấp: IV trở lên [(12)], có	**Áp dụng** **2. Trường hợp gói thầu gồm tổ hợp nhiều công trình (ví dụ gồm tổ hợp 3 công trình: A1, A2, A3)** Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 [(10)] đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn [(11)] tối thiểu: - 01 công trình có: loại kết cấu: Công trình đường bộ có đường giao thông (phải thi công hoàn thiện từ nền đường đến áo đường) và hệ thống thoát nước BTCT, cấp: III trở lên [(12)], có giá trị là V1 53.495.525.000 VND[(13)] với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý[(14)] hoặc nhà thầu phụ. - 01 công trình có: loại kết cấu: Tường kè, cấp: IV trở lên [(12)],

<table>
<tr><th>Stt</th><th>Nội dung theo E-HSMT được phê duyệt tại Quyết định số 81/QĐ-QLDAKVTDM ngày 13/11/2025 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực Thủ Dầu Một</th><th>Nội dung sửa đổi</th></tr>
<tr><td></td><td>giá trị là V2 14.145.553.000 VND(13) với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý(14) hoặc nhà thầu phụ.
…</td><td>có giá trị là V2 12.992.131.000 VND(13) với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý(14) hoặc nhà thầu phụ.
…</td></tr>
<tr><td>II</td><td>Mẫu số 01A. Bảng kê khai hạng mục công việc</td><td></td></tr>
</table>

Stt	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính
4	TƯỜNG CHẮN TUYẾN CHÍNH		
4.1	TƯỜNG CHẮN BTCT		
4.1.1	Bệ tường chắn BTCT - Bê tông đá 1x2 M300 phần bệ	470,920	m3
4.1.2	Công tác gia công lắp dựng cốt thép đường kính cốt thép <= 18mm	40,438	tấn
4.1.4	Ván khuôn thép	4,722	100m2
4.1.5	Bê tông lót M150 đá 1x2 đỗ tại chỗ	111,980	m3

Stt	Mô tả công việc(2)	Khối lượng tham khảo(3)	Đơn vị tính
4	TƯỜNG CHẮN TUYẾN CHÍNH		
4.1	TƯỜNG CHẮN BTCT		
4.1.1	Bệ tường chắn BTCT - Bê tông đá 1x2 M300 phần bệ	488,730	m3
4.1.2	Công tác gia công lắp dựng cốt thép đường kính cốt thép <= 18mm	42,809	tấn
4.1.4	Ván khuôn thép	4,929	100m2
4.1.5	Bê tông lót M150 đá 1x2 đỗ tại chỗ	116,940	m3

Stt	Nội dung theo E-HSMT được phê duyệt tại Quyết định số 81/QĐ-QLDAKVTDM ngày 13/11/2025 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực Thủ Dầu Một				Nội dung sửa đổi			
	4.1.6	Ván khuôn thép	1,107	100m2	4.1.6	Ván khuôn thép	1,163	100m2
	4.1.7	Thân tường chắn BTCT - Bê tông thương phẩm, bê tông tường đá 1x2, vữa bê tông M300 dày <=45cm	558,800	m3	4.1.7	Thân tường chắn BTCT - Bê tông thương phẩm, bê tông tường đá 1x2, vữa bê tông M300 dày <=45cm	579,140	m3
	4.1.8	Cốt thép tường chắn,đường kính cốt thép ≤ 18mm	43,798	tấn	4.1.8	Cốt thép tường chắn,đường kính cốt thép ≤ 18mm	46,096	tấn
	4.1.9	Cốt thép tường chắn,đường kính cốt thép > 18mm	12,556	tấn	4.1.9	Cốt thép tường chắn,đường kính cốt thép > 18mm	12,556	tấn
	4.1.10	Ván khuôn thép tường chắn	19,069	100m2	4.1.10	Ván khuôn thép tường chắn	26,983	100m2
	5	SAN NỀN TUYẾN THU HỒI BIÊN			5	SAN NỀN TUYẾN THU HỒI BIÊN		
	6.6	Thi công móng cấp phối đá dăm (Dmax=37,5mm), Độ chặt yêu cầu K ≥ 0,98 đầm nén tiêu chuẩn, Lớp dưới	11,516	100m3	6.6	Thi công móng cấp phối đá dăm (Dmax=37,5mm), Độ chặt yêu cầu K ≥ 0,98 đầm nén tiêu chuẩn, Lớp dưới	14,079	100m3
	6.7	Thi công móng cấp phối đá dăm (Dmax=25mm), Độ chặt yêu cầu K ≥ 0,98 đầm nén tiêu chuẩn, Lớp trên	8,572	100m3	6.7	Thi công móng cấp phối đá dăm (Dmax=25mm), Độ chặt yêu cầu K ≥ 0,98 đầm nén tiêu chuẩn, Lớp trên	10,280	100m3

Stt	Nội dung theo E-HSMT được phê duyệt tại Quyết định số 81/QĐ-QLDAKVTDM ngày 13/11/2025 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực Thủ Dầu Một				Nội dung sửa đổi			
	6.8	Lớp Nilông lót dày 0,14mm nền đường	46,139	100m2	6.8	Lớp Nilông lót dày 0,14mm nền đường	63,225	100m2
	6.9	Bê tông thương phẩm, đổ bằng thủ công, bê tông mặt đường đá 1x2, vữa bê tông mác 250	1.110,421	m3	6.9	Bê tông thương phẩm, đổ bằng thủ công, bê tông mặt đường đá 1x2, vữa bê tông mác 250	1.389,345	m3
	7	PHẦN VỈA HÈ TUYẾN THU HỒI BIÊN			7	PHẦN VỈA HÈ TUYẾN THU HỒI BIÊN		
	7.4	Lớp Nilông dày 0,14mm, lót nền vỉa hè	10,257	100m2	7.4	Lớp Nilông dày 0,14mm, lót nền vỉa hè	10,580	100m2
	7.5	Bê tông thương phẩm, đổ bằng thủ công, bê tông nền đá 1x2, vữa bê tông mác 150	102,570	m3	7.5	Bê tông thương phẩm, đổ bằng thủ công, bê tông nền đá 1x2, vữa bê tông mác 150	105,802	m3
	7.6	Lát gạch bê tông giả đá (200x100x60)cm, M350 vữa XM mác 75	1.025,700	m2	7.6	Lát gạch bê tông giả đá (200x100x60)cm, M350 vữa XM mác 75	1.058,020	m2
	8	PHẦN GỜ CHẶN, KÈ BTCT, LAN CAN PHÒNG HỘ TUYẾN THU HỒI			8	PHẦN GỜ CHẶN, KÈ BTCT, LAN CAN PHÒNG HỘ TUYẾN THU HỒI		

Stt	Nội dung theo E-HSMT được phê duyệt tại Quyết định số 81/QĐ-QLDAKVTDM ngày 13/11/2025 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực Thủ Dầu Một				Nội dung sửa đổi			
		BIÊN				BIÊN		
	8.1	GỜ CHẶN, KÈ BTCT			8.1	GỜ CHẶN, KÈ BTCT		
	8.1.8	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép móng, đường kính cốt thép 10mm	8,851	tấn	8.1.8	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép móng, đường kính cốt thép 10mm	6,304	tấn
	8.1.9	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép móng, đường kính cốt thép 12mm	25,540	tấn	8.1.9	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép móng, đường kính cốt thép 12mm	15,708	tấn
	8.1.10	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép móng, đường kính cốt thép 14mm	16,096	tấn	8.1.10	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép móng, đường kính cốt thép 14mm	9,700	tấn
	8.1.11	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép móng, đường kính cốt thép 18mm	16,263	tấn	8.1.11	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép móng, đường kính cốt thép 18mm	10,285	tấn
	8.1.12	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép móng, đường kính cốt thép > 18mm	71,475	tấn	8.1.12	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép móng, đường kính cốt thép > 18mm	47,394	tấn
	8.1.15	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép tường,	9,183	tấn	8.1.15	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép tường,	6,558	tấn

Stt	Nội dung theo E-HSMT được phê duyệt tại Quyết định số 81/QĐ-QLDAKVTDM ngày 13/11/2025 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực Thủ Dầu Một				Nội dung sửa đổi			
		đường kính cốt thép 10mm, chiều cao ≤ 6m				đường kính cốt thép 10mm, chiều cao ≤ 6m		
	8.1.16	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép tường, đường kính cốt thép 12mm, chiều cao ≤ 6m	57,791	tấn	8.1.16	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép tường, đường kính cốt thép 12mm, chiều cao ≤ 6m	37,947	tấn
	8.1.17	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép tường, đường kính cốt thép 14mm, chiều cao ≤ 6m	54,565	tấn	8.1.17	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép tường, đường kính cốt thép 14mm, chiều cao ≤ 6m	36,928	tấn
	8.1.18	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép tường, đường kính cốt thép 16mm, chiều cao ≤ 6m	13,016	tấn	8.1.18	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép tường, đường kính cốt thép 16mm, chiều cao ≤ 6m	8,773	tấn
	8.1.19	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép tường, đường kính cốt thép 18mm, chiều cao ≤ 6m	26,691	tấn	8.1.19	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép tường, đường kính cốt thép 18mm, chiều cao ≤ 6m	12,156	tấn
	8.1.20	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép tường, đường kính cốt thép >	58,183	tấn	8.1.20	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép tường, đường kính cốt thép >	45,634	tấn

Stt	Nội dung theo E-HSMT được phê duyệt tại Quyết định số 81/QĐ-QLDAKVTDM ngày 13/11/2025 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực Thủ Dầu Một	Nội dung sửa đổi
	18mm, chiều cao ≤ 6m	18mm, chiều cao ≤ 6m
III	**Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng**	
1	**E-ĐKC 29.4:** - Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 05 ngày. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: 8.196.667.429 VND.	**E-ĐKC 29.4:** - Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 05 ngày. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: 8.122.095.348 VND.
2	**E-ĐKC 42.1:** - Tạm ứng: 1. Sau khi chủ đầu tư đã nhận được bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có) tương ứng với giá trị từng loại tiền mà các bên đã thỏa thuận, chủ đầu tư sẽ lập thủ tục gửi cơ quan cấp phát vốn tạm ứng theo quy định tại Khoản 5 Điều 18 của Nghị định 37/2015/NĐ-CP và khoản 2 Điều 9 Nghị định 35/2023/NĐ-CP: Không vượt quá 30% giá trị hợp đồng (≤49.180.004.576 đồng). Các bên sẽ thống nhất nội dung nêu trên trong quá trình hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng. Số lần tạm ứng: Tối thiểu 01 lần. …	**E-ĐKC 42.1:** - Tạm ứng: 1. Sau khi chủ đầu tư đã nhận được bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có) tương ứng với giá trị từng loại tiền mà các bên đã thỏa thuận, chủ đầu tư sẽ lập thủ tục gửi cơ quan cấp phát vốn tạm ứng theo quy định tại Khoản 5 Điều 18 của Nghị định 37/2015/NĐ-CP và khoản 2 Điều 9 Nghị định 35/2023/NĐ-CP: Không vượt quá 30% giá trị hợp đồng (≤48.732.572.088 đồng). Các bên sẽ thống nhất nội dung nêu trên trong quá trình hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng. Số lần tạm ứng: Tối thiểu 01 lần. …
3	**E-ĐKC 55.2:** - Số tiền giữ lại: 8.196.667.429 VND.	**E-ĐKC 55.2:** - Số tiền giữ lại: 8.122.095.348 VND.